

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ R  
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2021/HNGĐ-ST  
Ngày: 24/6/2021  
V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ R, TỈNH KHÁNH HÒA**

*- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Hồng Công

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Đại Hải

Ông Huỳnh Dur

*- Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Thị Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố R.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố R tham gia phiên tòa:* Bà Vũ Thị Xuyên - Kiểm sát viên.

Vào các ngày 23, 24 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố R xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 82/2021/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2021 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 64/2021/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

*- Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Bích H, sinh ngày: 17/12/1983; Nơi cư trú: Tổ dân phố KC, phường BN, thành phố R, tỉnh Khánh Hòa. (Bà H có mặt)

*- Bị đơn:* Ông Hà Ngọc T, sinh ngày: 02/6/1973; Nơi cư trú: Tổ dân phố KC, phường BN, thành phố R, tỉnh Khánh Hòa. (Ông T vắng mặt khi tuyên án)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Tại đơn khởi kiện ngày 29/3/2021 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Trần Thị Bích H trình bày:* Bà và ông Hà Ngọc T tự nguyện tìm hiểu, kết hôn và chung sống với nhau từ năm 2008; được Ủy ban nhân dân phường BN, thành phố R cấp giấy chứng nhận kết hôn số 96 quyền số 01 ngày 17/9/2010.

Vợ chồng H phúc một thời gian, đến năm 2014 phát sinh nhiều mâu thuẫn. Do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, ông T ghen tuông, không tin tưởng bà, mâu thuẫn về tiền bạc, ông T thường xuyên kiểm chuyện chửi bới, đánh đập bà. Nay vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa, bà không còn tình cảm với ông T. Do đó, bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông T.

- Về con chung: Bà và ông T có 02 con chung là Hà Ngọc D, sinh ngày 20/6/2010 và Hà Trần Ngọc Gia N, sinh ngày 20/10/2018. Bà yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Bà và ông T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ: Vợ chồng không nợ.

\* *Tại bản tự khai ngày 30/3/2021 và trong quá trình xét xử, bị đơn ông Hà Ngọc T trình bày:* Quá trình tìm hiểu, kết hôn và chung sống giữa ông và bà H đúng như bà H trình bày. Nguyên nhân vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bà H thay đổi tính tình, thường xuyên cáu gắt với ông, vợ chồng mâu thuẫn về tiền bạc, vợ chồng không còn tình cảm nhưng vì con còn nhỏ. Do đó, bà H yêu cầu ly hôn, ông không đồng ý.

Ông và bà H có 02 con chung đúng như bà H trình bày. Ông đồng ý giao 02 con chung cho bà H nuôi dưỡng; ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông và bà H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ: Vợ chồng không nợ.

\* *Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thành phố R:*

- Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của người tiến hành tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà H. Về quan hệ hôn nhân: Bà H được ly hôn ông T; về con chung: Giao hai con chung cho bà H nuôi dưỡng, ông T không cấp dưỡng nuôi hai con chung; về tài sản chung: Bà H và ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét; về nợ chung: Bà H và ông T không có. Về án phí: Bà H phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm về “Ly hôn”.

\* *Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:* Giấy chứng nhận kết hôn số 96 quyền số 01 ngày 17/9/2010 (bản chính); Sổ hộ khẩu chủ hộ đứng tên ông T (bản sao); Giấy chứng minh nhân dân mang tên bà H (bản sao); Giấy khai sinh con chung (bản sao); Biên bản xác minh ngày 06/5/2021.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

[1.1] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Đây là vụ án hôn nhân gia đình mà bị đơn có nơi cư trú tại thành phố R nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố R theo quy định tại Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp*: Bà Trần Thị Bích H có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Hà Ngọc T. Căn cứ vào nội dung vụ án, căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn”.

[2] *Về nội dung vụ án*:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Bà H và ông T tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau và được Ủy ban nhân dân phường BN, thành phố R cấp giấy chứng nhận kết hôn số 96 quyển số 01 ngày 17/9/2010 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng H phúc một thời gian sau đó phát sinh mâu thuẫn; do vợ chồng tính tình không hợp, mâu thuẫn về tiền bạc và vợ chồng không còn tình cảm với nhau. Bà H yêu cầu được ly hôn với ông T, ông T không đồng ý. Tại Biên bản xác minh ngày 06/5/2021, chính quyền địa phương cung cấp: “Chị Trần Thị Bích H, sinh năm 1983 và anh Hà Ngọc T, sinh năm 1973 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại TDP KC, phường BN, thành phố R, Khánh Hòa. Chị H và anh T có đăng ký kết hôn. Tuy nhiên, nguyên nhân mâu thuẫn là gì thì chính quyền địa phương không biết do chị H, anh T không thông báo cũng như không thông qua tổ hòa giải tại địa phương.” Xét thấy: Vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan T, chăm sóc lẫn nhau nhưng ông T, bà H đã vi phạm quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, bà H yêu cầu được ly hôn với ông T là có cơ sở, phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của bà H.

[2.2] *Về con chung*: Bà H và ông T có 02 con chung Hà Ngọc D, sinh ngày 20/6/2010 và Hà Trần Ngọc Gia N, sinh ngày 20/10/2018. Bà H yêu cầu được nuôi hai con chung; ông T đồng ý. Xét: Việc giao con cho ai nuôi dưỡng, giáo dục sau khi bố mẹ ly hôn là nhằm phát triển tốt cho con cả về mặt thể chất lẫn tinh thần. cháu D có nguyện vọng được sống cùng với mẹ; cháu N là nữ và dưới 36 tháng tuổi. Do đó, xuất phát từ lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên, theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình, cần giao 02 con chung cho Bà H nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà H không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xét.

[2.3] *Về tài sản chung*: Bà H và ông T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] *Về nợ chung*: Bà H và ông T không có nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] *Về án phí*: Bà H phải nộp 300.000 đồng tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm về “Ly hôn”.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số

326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

**Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Trần Thị Bích H.**

**1. Về quan hệ hôn nhân:** Bà Trần Thị Bích H được ly hôn ông Hà Ngọc T.

**2. Về con chung:**

Bà Trần Thị Bích H được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 02 con chung Hà Ngọc D, sinh ngày 20/6/2010 và Hà Trần Ngọc Gia N, sinh ngày 20/10/2018.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Trần Thị Bích H không yêu cầu ông Hà Ngọc T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xét.

\* Vì lợi ích của con, hai bên có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người nuôi con, cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được quyền cản trở người đó thực hiện quyền này.

**3. Về tài sản chung:** Bà Trần Thị Bích H và ông Hà Ngọc T tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

**4. Về nợ chung:** Bà Trần Thị Bích H và ông Hà Ngọc T không có nên Hội đồng xét xử không xét

**5. Về án phí:** Bà Trần Thị Bích H phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm về “Ly hôn” nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0001253 ngày 29/3/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố R. Bà H đã nộp đủ tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

**6.** Bà Trần Thị Bích H có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án sơ thẩm; ông Hà Ngọc T có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND t.p R;
- CCTHADS t.p R;
- UBND phường BN, t.p R, tỉnh Khánh Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu án văn.
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị H Công**